

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

Trần Đại Nghĩa¹ và Phùng Văn Tráng^{2*}

¹Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Phùng Văn Tráng, Email: pvtrang90@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 20/11/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 13/12/2024; Ngày duyệt đăng: 24/12/2024

Tóm tắt

Kỹ năng sống là các kỹ năng cá nhân giúp học sinh giải quyết các tình huống trong cuộc sống hiệu quả, tích cực vận dụng các kiến thức đã học vào đời sống thực tiễn, tuy vậy thực tiễn ít được các trường tiểu học quan tâm. Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Nhằm xác định thực trạng này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 134 khách thể là cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh của 6 trường tiểu học ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thông qua các phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi; phương pháp phỏng vấn sâu; phương pháp thống kê toán học. Kết quả khảo sát thực trạng được xử lý theo thang đo likert 4 mức độ, kết quả phỏng vấn được mã hóa để phân tích thực trạng; sử dụng ứng dụng excel để tính điểm trung bình, thứ tự xếp hạng và độ lệch chuẩn. Kết quả nghiên cứu cho thấy thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang còn nhiều bất cập trong công tác xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra và phối hợp các lực lượng giáo dục trong quản lý. Kết quả nghiên cứu góp phần quan trọng giúp hiệu trưởng các trường tiểu học ở địa phương này có cơ sở để xuất các biện pháp quản lý phù hợp nhằm đáp ứng mục tiêu chất lượng giáo dục học sinh.

Keywords: Hoạt động giáo dục, học sinh tiểu học, kỹ năng sống, quản lý, trường tiểu học.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1423>

Trích dẫn: Trần, Đ. N., & Phùng, V. T. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 242-252. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1423>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT MANAGEMENT OF LIFE SKILLS EDUCATION FOR STUDENTS IN PRIMARY SCHOOLS IN VI THANH CITY, HAU GIANG PROVINCE

Tran Dai Nghia¹ and Phung Van Trang^{2*}

¹*Faculty of Social Sciences Teacher Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author: Phung Van Trang, Email: pvtrang90@gmail.com*

Article history

Received: 20/11/2024; Received in revised form: 13/12/2024; Accepted: 24/12/2024

Abstract

Life skills help students solve situations in life effectively, actively apply the knowledge they have learned to real life. However, the practice is of little interest to primary schools. This study aims to evaluate the current management of life skills education for primary schoolers in Vi Thanh city, Hau Giang province. Accordingly, we conducted a survey of 134 administrators, teachers and parents from 6 primary schools in Vi Thanh city, Hau Giang province, through questionnaire and in-depth interview. The questionnaire results were quantitatively processed on a 4-level scale while the interviews were encrypted. The results show that the current management on the concerned issues in this area still has many inadequacies in the development of plans, organization, direction, checking and coordinate educational forces in management. The results provide guideline for principals of elementary schools in this area have a basis for proposing appropriate management measures to meet the quality goals of student education.

Keywords: *Educational activities, life skills, manage, primary school students, primary school.*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục kỹ năng sống (GDKNS) giúp học sinh (HS) có khả năng ứng phó với các tình huống và thách thức trong cuộc sống. Hơn nữa, kỹ năng sống (KNS) cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và hoàn thiện nhân cách con người trong xã hội hiện đại. Tầm quan trọng của GDKNS đã được nhiều nghiên cứu ở trong và ngoài nước khẳng định. Có thể kể đến một số nghiên cứu như:

Theo nghiên cứu của Suminar & cs. (2016) đã kết luận rằng: Các chương trình GDKNS bao gồm nhiều KNS, do đó đòi hỏi khả năng của các nhà giáo dục trong việc phát triển thiết kế giảng dạy được xây dựng dựa trên bốn trụ cột của giáo dục là cách biết, cách làm, cách tồn tại và cách chung sống. Kết quả nghiên cứu đã thiết kế bốn trụ cột của mô hình học tập với các minh họa và phương pháp giải quyết vấn đề có thể đạt được một số kỹ năng, đó là: (a) kỹ năng học tập nhận thức, học để biết các trụ cột; (b) kỹ năng cá nhân và kỹ năng xã hội tình cảm, trụ cột học cách trở thành; và (c) kỹ năng nghề nghiệp để làm việc, kỹ năng tâm lý vận động, trụ cột học để làm và cùng chung sống.

Nghiên cứu của Foo và Majid (2014) đã xác định giáo viên (GV) cần cải thiện kiến thức và kỹ năng của mình để dạy kỹ năng một cách hiệu quả.

Nghiên cứu của Petitpas & cs. (2004) chỉ ra rằng các hoạt động ngoài giờ lên lớp giúp thanh thiếu niên phát huy tính chủ động và ý thức tự lập của bản thân một cách hiệu quả. Việc tham gia thể thao như một phương tiện để tăng cường phát triển KNS ở thanh thiếu niên.

Theo nghiên cứu của tác giả Slazak (2013) cho rằng việc tập trung vào dạy HS những kỹ năng mang tính ngẫu hứng nhằm nâng cao kỹ năng tư duy sáng tạo và tầm quan trọng của những suy nghĩ tích cực cho HS. Nội dung trình bày các công cụ để thực hiện đào tạo các kỹ năng sáng tạo giải quyết vấn đề, các quy tắc và khái niệm của các hoạt động trải nghiệm ngẫu hứng và kỹ năng tư duy tình cảm. Kết quả nghiên cứu đã hoàn thành bao gồm các kế hoạch bài học, một bảng tính, một đoạn video hỗ trợ HS và các nhà giáo dục trong giảng dạy các kỹ năng này.

Tác giả Yüksel (2013) đã thực hiện nghiên cứu về GDKNS cho HS tiểu học, với mục đích phát triển kỹ năng suy luận cho HS tiểu học thông qua các chương trình giáo dục kỹ năng xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy hành vi xã hội ở trường của HS không phụ thuộc vào khả năng học tập, tuy nhiên, tình độ thông minh của HS có ảnh hưởng tích cực đến hiểu biết xã hội, kỹ năng học thuật và hành vi chống đối xã hội. Khi so sánh về giới tính, kết quả cho thấy trình độ xã hội của các HS nữ từ 7 - 9 tuổi cao hơn HS nam, trong khi đó, hành vi không mang tính tích cực xã hội của các HS nam cao hơn HS nữ.

Thuật ngữ KNS bắt đầu được biết đến tại Việt Nam từ năm 1996 thông qua chương trình dự án “GDKNS để bảo vệ sức khỏe và phòng chống HIV/AIDS cho thanh thiếu niên trong và ngoài nhà trường” do UNICEF phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội Chữ thập đỏ Việt Nam thực hiện. Từ đó, khái niệm KNS và GDKNS ngày càng được mở rộng và nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, các tổ chức và cơ quan giáo dục. Tổ chức UNICEF đã khái niệm KNS là những hành vi cụ thể thể hiện khả năng chuyển đổi kiến thức và thái độ thành hành động thích ứng trong cuộc sống. Qua đó cho rằng KNS phải dựa trên nhận thức, thái độ và chuyển biến thành hành vi một cách liên hoàn và có hướng đích (UNICEF, 2006).

Tác giả Nguyễn (2007) là một trong những người tiên phong nghiên cứu về KNS và GDKNS. Ông đã thực hiện nhiều nghiên cứu tổng quan về quá trình nhận thức KNS, đề xuất yêu cầu tiếp cận KNS trong giáo dục, đồng thời tìm hiểu thực trạng GDKNS ở Việt Nam từ bậc mầm non đến người lớn.

Theo Hoàng (1998), KNS là những kỹ năng tinh thần, tâm lý và tâm lý - xã hội cơ bản giúp cá nhân tồn tại và thích ứng trong cuộc sống, thể hiện bản thân và phát triển nội lực.

Tác giả Ngô (2001) trong tác phẩm “Cẩm nang giáo dục cho HS tiểu học” đã khẳng định KNS là sản phẩm bắt buộc phải có của giáo dục nhà trường. Tác giả đã làm rõ về khái niệm,

các loại KNS, vai trò của KNS trong giáo dục, phương pháp GDKNS và cách xây dựng chương trình GDKNS cho HS tiểu học.

Kết quả nghiên cứu của tác giả Vũ (2012) đã chỉ ra những bất cập trong việc GDKNS cho HS tiểu học, đặc biệt là việc thiếu giáo trình thống nhất và sự lúng túng của GV trong việc lồng ghép KNS vào các môn học. Tuy nhiên, tác giả chưa đưa ra những giải pháp cụ thể khắc phục tình trạng này.

Nhóm Nguyễn & cs. (2010) cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giáo dục giá trị sống và KNS cho HS tiểu học. Theo họ, thiếu nền tảng giá trị sống vững chắc sẽ dẫn đến những hành vi tiêu cực. Do đó, cần GDKNS cho HS, giúp các em nâng cao năng lực tự lựa chọn và quyết định, đồng thời khuyến khích sự tham gia chủ động của HS vào các hoạt động GDKNS.

Quản lý hoạt động GDKNS cho HS tiểu học là quá trình tác động có mục đích của chủ thể quản lý trường tiểu học đến HS nhằm nhằm đảm bảo chất lượng GDKNS, hình thành những KNS cần thiết cho HS tiểu học, hình thành khả năng hành động để thích ứng và làm chủ các tình huống.

Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong GDKNS là một quá trình giáo dục thống nhất, liên tục và toàn vẹn. Qua đó, các quá trình giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội được kết hợp chặt chẽ, giúp khai thác thế mạnh của từng lực lượng, nhằm phát triển nhân cách toàn diện cho thế hệ trẻ. Để đạt được hiệu quả cao trong công tác này, cần có sự chung tay góp sức từ nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

Như vậy, các nhà giáo dục đều thống nhất quan điểm rằng KNS là những kỹ năng cần thiết cho hành vi lành mạnh, tích cực, giúp cá nhân đối mặt với những thách thức của cuộc sống. Việc GDKNS cho HS là vô cùng cần thiết, đặc biệt là ở bậc tiểu học, để giúp các em có khả năng làm chủ bản thân, ứng xử phù hợp và ứng phó tích cực trước mọi tình huống. Điều này cho thấy GDKNS rất quan trọng cần phải quan tâm nghiên cứu để đưa ra những biện pháp quản lý bảo đảm tính khả thi, hiệu quả cao.

Tuy vậy, thực tiễn GDKNS cho HS ở các trường tiểu học ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vẫn còn nhiều bất cập cần nghiên cứu, đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động GDKNS để có biện pháp quản lý đề xuất kịp thời nhằm nâng cao chất lượng GDKNS cho HS tiểu học ở địa phương này.

2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi đã vận dụng phương pháp điều tra phiếu hỏi, khảo sát 134 khách thể là cán bộ quản lý (CBQL), GV, cha mẹ HS ở sáu trường tiểu học (1) Trường Tiểu học Kim Đồng; (2) Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi; (3) Trường Tiểu học Trần Quốc Toản; (4) Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm; (5) Trường Tiểu học Trương Định; (6) Trường Tiểu học Võ Thị Sáu.

Để đo lường kết quả khảo sát, chúng tôi sử dụng thang đo Likert 4 mức độ, từ 1 đến 4. Khoảng cách giữa các mức được tính theo công thức $[(\max - \min) : 4] = [(4 - 1) : 4 = 3 : 4 = 0,75]$. Theo đó, quy ước đánh giá các mức độ của từng yếu tố dựa vào giá trị điểm trung bình (ĐTB) như sau: Mức 4: $3,25 \leq \text{ĐTB} \leq 4,00$; Mức 3: $2,5 \leq \text{ĐTB} < 3,25$; Mức 2: $1,75 \leq \text{ĐTB} < 2,50$; Mức 1: $1,0 \leq \text{ĐTB} < 1,75$.

Các số liệu thu được sẽ được xử lý thông qua phần mềm Excel để tính ĐTB, các số liệu thu được, tùy từng câu hỏi mà chúng tôi có thể tính tỉ lệ phần trăm (%) theo 4 mức được thiết kế trong phiếu điều tra.

Bên cạnh đó chúng tôi sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu một số CBQL, GV, cha mẹ HS có kinh nghiệm trong hoạt động GDKNS cho HS. Kết quả phỏng vấn được chúng tôi mã hóa để thuận lợi trong quá trình phân tích, bình luận, cụ thể: Kết quả phỏng vấn CBQL được mã hóa từ: CBQL1 đến CBQL10; Kết quả phỏng vấn GV được mã hóa từ GV1 đến GV11; Kết quả phỏng vấn CMHS được mã hóa từ CMHS1 đến CMHS10.

3. Nội dung

3.1. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

3.1.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Để đánh giá thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động GDKNS cho HS tiểu học, tác giả đã tiến hành điều tra và tham khảo ý kiến của CBQL, GV và Tổng phụ trách Đội, kết quả thể hiện qua Bảng 1 như sau:

Bảng 1. Kết quả khảo sát việc lập kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh

STT	Các yêu cầu tiến hành lập kế hoạch hoạt động GDKNS cho HS tiểu học	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
1. Cơ sở xây dựng kế hoạch				
1.1	Chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng; chỉ thị của các cấp quản lý về hoạt động GDKNS cho HS tiểu học	2,41	0,59	-
1.2	Điều kiện thực tế của nhà trường để thực hiện hoạt động GDKNS	2,46	0,60	-
ĐTB chung		2,43		2
2. Nội dung kế hoạch				
2.1	Các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động GDKNS	2,49	0,50	-
2.2	Các giải pháp, biện pháp thực hiện hoạt động GDKNS	2,34	0,60	-
2.3	Xác định các nguồn lực hoạt động GDKNS	2,37	0,61	-
ĐTB chung		2,40		4
3. Tiến trình thực hiện kế hoạch				
	Xác định các bước đi cụ thể tương ứng với những khoảng thời gian thực hiện hoạt động GDKNS	2,50	0,55	1
4. Thực hiện quy trình xây dựng kế hoạch				
	Trung cầu ý kiến của CBQL, tổ chuyên môn và của GV trong nhà trường về kế hoạch thực hiện GDKNS	2,42	0,59	3
5. Ban hành kế hoạch hoạt động KNS				
	Lãnh đạo nhà trường quyết định và phổ biến kế hoạch GDKNS đến CBQL, GV, HS toàn trường	2,32	0,66	5

Kết quả Bảng 1 cho thấy, ĐTB của mỗi yêu cầu được CBQL, GV đánh giá có điểm trung bình từ (2,32) đến (2,50), so với thang đo Likert 4 mức độ thì có 08/08 tiêu chí ở mức 2, mức “ít đáp ứng”, cùng với độ lệch chuẩn ở mức thấp < (1,0) cho thấy độ phân tán của các kết quả trả lời khảo sát của CBQL, GV có sự tập trung. Kết quả này cho thấy thực trạng việc lập kế hoạch hoạt động GDKNS cho HS tiểu học thông qua việc khảo sát đánh giá định lượng vẫn còn nhiều bất cập cần có biện pháp khắc phục.

Để thực trạng có độ tin cậy hơn, tác giả đã tiến hành thực hiện phỏng vấn sâu các CBQL, GV có uy tín và thâm niên trong quản lý và GDKNS và thu được những ý kiến chia sẻ như sau:

CBQL1 cho rằng: Lập kế hoạch GDKNS cho HS tiểu học sẽ giúp nhà trường và GV đưa ra được hướng đi cụ thể trong việc GDKNS cho HS đạt được mục tiêu, đưa ra những phương án tối ưu nhất thực hiện các công việc đã được lên kế hoạch, giúp nhà trường xác định tính khả thi, đề ra những phương án đối phó với các trường hợp rủi ro sẽ gặp phải trong quá trình tổ chức hoạt động GDKNS cho HS.

Trong khi đó CBQL3 chia sẻ, kế hoạch là bản đồ chỉ dẫn, do đó việc lập kế hoạch hoạt động GDKNS cho HS là một trong những công việc không thể thiếu đối với lãnh đạo nhà trường và GV. Không chỉ giúp công việc được tổ chức, sắp xếp khoa học, có mục tiêu và định hướng, kỹ năng lập kế hoạch có thể áp dụng cho nhiều tình huống linh hoạt trong thực hiện GDKNS cho HS.

GV5 cho rằng: Việc lập kế hoạch hoạt động GDKNS sẽ đưa ra các phương pháp phân bổ nguồn lực, phân chia công việc trong hoạt động GDKNS, sẽ giúp mỗi GV hiểu rõ thế mạnh của mình, lãnh đạo nhà trường sẽ nắm được tiềm năng của từng GV, từ đó giao việc phù hợp, đúng người, đúng vị trí sẽ giúp tổ chức các hoạt động GDKNS đạt hiệu quả cao nhất, rút ngắn thời gian trong quá trình thực hiện mục tiêu.

GV2 thì cho rằng nếu lập kế hoạch hiệu quả sẽ giúp tăng sự đoàn kết, tương tác và tương trợ trong công việc. Nâng cao mối liên kết sẽ tăng cường sức mạnh tập thể, nâng cao hiệu quả công việc GDKNS cho HS.

GV6 đưa ra ý kiến khi đã lập kế hoạch rõ ràng, chi tiết, nhà trường và GV sẽ thực hiện công việc theo thứ tự ưu tiên và mức độ quan trọng, phân bổ thời gian hợp lý sẽ giúp tiết kiệm thời gian và nguồn lực trong quá trình tổ chức các hoạt động GDKNS cho HS.

Như vậy, từ kết quả khảo sát định lượng và kết quả phỏng vấn định tính cho thấy việc lập kế hoạch hoạt động GDKNS cho HS ở các trường tiểu học là rất cần thiết. Tuy nhiên, qua việc đánh giá thực trạng có thể kết luận ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang còn khá nhiều bất cập cần phải có biện pháp xây dựng kế hoạch hợp lý.

3.1.2. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HS ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Để đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNS cho HS tiểu học, tác giả đã tiến hành điều tra và tham khảo ý kiến của CBQL, GV và Tổng phụ trách Đội, kết quả thể hiện qua Bảng 2 như sau:

Bảng 2. Kết quả khảo sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
1. Tổ chức hoạt động dạy học tích hợp GDKNS thông qua các môn học				
1.1	Đối với môn Tiếng Việt, giúp HS bước đầu hình thành và rèn luyện các KNS cần thiết, phù hợp lứa tuổi	2,32	0,68	2
1.2	Đối với môn Đạo đức, giúp HS bước đầu biết sống và ứng xử phù hợp với các chuẩn mực	2,42	0,62	1
1.3	Đối với các môn khoa học Tự nhiên và Xã hội lớp 4 và 5, giúp HS hình thành các KNS cụ thể	2,11	0,74	3
ĐTB chung		2,28		
2. Tổ chức hoạt động GDKNS của GV chủ nhiệm lớp				
2.1	Đưa nội dung GDKNS cho HS vào các buổi sinh hoạt lớp	2,09	0,75	3
2.2	Đưa nội dung GDKNS cho HS vào các buổi lao động, sinh hoạt tập thể	2,34	0,62	1
2.3	Đưa nội dung GDKNS cho HS vào các buổi sinh hoạt dưới cờ	2,01	0,77	4
2.4	Đưa nội dung GDKNS cho HS vào các buổi ngoài giờ lên lớp	2,29	0,69	2
ĐTB chung		2,18		

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
3. Công tác phối hợp với Tổ chức Đội trong hoạt động GDKNS của GV chủ nhiệm lớp				
3.1	Xây dựng kế hoạch tuần, tháng, năm về công tác phối hợp của GV chủ nhiệm lớp với Tổ chức Đội	2,22	0,72	1
3.2	Phân bổ các nguồn lực nhằm đảm bảo được yêu cầu về công tác phối hợp của GV chủ nhiệm lớp với Tổ chức Đội	2,13	0,75	3
3.3	Chỉ đạo công tác phối hợp của GV chủ nhiệm lớp với Tổ chức Đội	2,12	0,73	4
3.4	Kiểm tra công tác phối hợp của GV chủ nhiệm lớp với Tổ chức Đội	2,21	0,72	2
ĐTB chung		2,17		

Kết quả Bảng 2 cho thấy, ĐTB của mỗi yêu cầu được CBQL, GV đánh giá có điểm trung bình từ (2,01) đến (2,42), so với thang đo Likert 4 mức độ thì có 11/11 tiêu chí ở mức 2, mức “ít đáp ứng”, cùng với độ lệch chuẩn ở mức thấp < (1,0) cho thấy độ phân tán của các kết quả trả lời khảo sát của CBQL, GV có sự tập trung. Kết quả này cho thấy thực trạng việc lập tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNS cho HS tiểu học thông qua việc khảo sát đánh giá định lượng vẫn còn nhiều bất cập cần có biện pháp khắc phục.

Bên cạnh số liệu thu thập được từ phiếu khảo sát, chúng tôi đã thực hiện phỏng vấn sâu với một số CBQL và GV có kinh nghiệm trong quản lý và GDKNS. Có nhiều ý kiến rất thiết thực như:

Bên cạnh kết quả ở Bảng 2, chúng tôi có trao đổi, phỏng vấn sâu một số CBQL và GV có kinh nghiệm trong dạy học. CBQL 8 cho biết: Hoạt động GDKNS hiện nay mới dừng lại ở việc lồng ghép một cách cơ bản trong các môn học. Tuy nhiên, sự tích hợp này chưa có sự đồng bộ, và GV đôi khi gặp khó khăn trong việc kết nối kiến thức với thực hành KNS cho HS.

Khi được phỏng vấn, CBQL5 chia sẻ: Giáo viên chủ nhiệm có tổ chức một số hoạt động GDKNS nhưng thường chỉ tập trung vào một số chủ đề đơn giản. Việc thiếu tài liệu hướng dẫn cụ thể và thời gian giới hạn khiến các hoạt động chưa đạt hiệu quả cao.

CBQL1 cho biết: Công tác phối hợp giữa GV chủ nhiệm và tổ chức Đội còn rời rạc. Các chương trình GDKNS thường được thực hiện đơn lẻ, không có kế hoạch tổng thể để đảm bảo tính nhất quán và liên tục.

Trong khi đó, GV6 cho hay: Chúng tôi thường tích hợp KNS vào các môn học nhưng chỉ dừng lại ở mức lý thuyết. Các hoạt động thực hành, trải nghiệm thực tế còn hạn chế do không có nhiều tài liệu tham khảo và thiết bị hỗ trợ.

GV9 chia sẻ: Tổng phụ trách Đội đã tổ chức một số chương trình như sinh hoạt dưới cờ hoặc các cuộc thi nhỏ để GDKNS, nhưng chưa đủ để tác động sâu rộng. Sự phối hợp với GV chủ nhiệm còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến hiệu quả chưa cao.

Như vậy, từ kết quả khảo sát định lượng và kết quả phỏng vấn định tính cho thấy thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNS cho HS tiểu học vẫn còn nhiều bất cập cần có biện pháp khắc phục.

3.1.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Về thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động GDKNS cho HS tiểu học, chúng tôi khảo sát 6 nội dung ở Bảng 3 kết quả như sau:

Bảng 3. Kết quả khảo sát việc chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
1	Động viên, khuyến khích mọi thành viên nhận thức trách nhiệm	2,49	0,50	1
2	Hướng dẫn mọi thành viên tích cực hoàn thành mục tiêu GDKNS cho HS tiểu học	2,03	0,77	6
3	Phát huy tinh thần trách nhiệm và xây dựng mối quan hệ đồng thuận giữa mọi thành viên	2,12	0,73	5
4	Huy động các nguồn lực nhằm thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNS đạt hiệu quả	2,38	0,61	3
5	Động viên và sử dụng GV tâm huyết, thương yêu HS, có kinh nghiệm và tri thức về KNS	2,42	0,59	2
6	Cán bộ quản lý và GV nhà trường phấn đấu là tấm gương sáng tận tâm, tự học	2,17	0,76	4
ĐTB chung		2,27		

Kết quả Bảng 3 cho thấy, ĐTB của mỗi yêu cầu được CBQL, GV đánh giá có điểm trung bình từ (2,03) đến (2,49), so với thang đo Likert 4 mức độ thì có 06/06 tiêu chí ở mức 2, mức “ít đáp ứng”, cùng với độ lệch chuẩn ở mức thấp < (1,0) cho thấy độ phân tán của các kết quả trả lời khảo sát của CBQL, GV có sự tập trung. Kết quả này cho thấy thực trạng việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNS cho HS tiểu học thông qua việc khảo sát đánh giá định lượng vẫn còn nhiều bất cập cần có biện pháp khắc phục.

Chúng tôi cũng tiến hành phỏng vấn CBQL và GV về thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động GDKNS cho HS tiểu học. CBQL3 cho biết: Chúng tôi có tổ chức các buổi họp để động viên và khuyến khích GV tham gia tích cực vào hoạt động GDKNS, nhưng việc nâng cao nhận thức trách nhiệm chưa được triển khai thường xuyên, nên hiệu quả đạt được chưa cao.

CBQL10 cho hay: Việc hướng dẫn GV để hoàn thành mục tiêu GDKNS vẫn còn thiếu sự chi tiết và cụ thể. Nhiều GV không nắm rõ phương pháp hoặc nội dung để thực hiện tốt nhiệm vụ này.

CBQL16 chia sẻ: Dù đã cố gắng huy động các nguồn lực hỗ trợ, như tài chính và trang thiết bị, nhưng sự phối hợp với các tổ chức xã hội còn rời rạc. Điều này khiến kế hoạch thực hiện giáo dục KNS chưa đạt hiệu quả mong đợi.

Khi được phỏng vấn, GV11 cho rằng, lãnh đạo nhà trường đã có động viên và chỉ đạo nhưng chưa đủ sâu sát. Các buổi họp triển khai thường chỉ mang tính chất thông báo, thiếu sự hướng dẫn cụ thể, nên GV chưa thực sự phát huy tinh thần trách nhiệm trong hoạt động này.

Chia sẻ với tác giả, GV5 cho biết: Việc sử dụng các GV tâm huyết và có kinh nghiệm để dẫn dắt các hoạt động KNS chưa được triển khai đồng bộ. Một số GV muốn tham gia nhưng không được tạo điều kiện tốt nhất, dẫn đến hiệu quả công việc không cao.

Như vậy, từ kết quả khảo sát định lượng và kết quả phỏng vấn định tính cho thấy thực trạng chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNS cho HS tiểu học vẫn còn nhiều bất cập cần có biện pháp khắc phục.

3.1.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Về thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động GDKNS cho HS tiểu học, chúng tôi tiến hành khảo sát định lượng và phỏng vấn thu được kết quả như sau:

Bảng 4. Kết quả khảo sát thực trạng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
1	Lập kế hoạch kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNS cho HS tiểu học	2,16	0,73	1
2	Xây dựng được bộ tiêu chí phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá	2,00	0,82	4
3	Kiểm tra kết quả hoạt động GDKNS thông qua kết quả rèn luyện của HS	2,11	0,74	2
4	Đảm bảo nguyên tắc: tính xác thực, tính minh bạch, tính công bằng, đảm bảo độ tin cậy và nhất quán	2,08	0,81	3
ĐTB chung		2,09		

Kết quả Bảng 4 cho thấy, ĐTB của mỗi yêu cầu được CBQL, GV đánh giá có điểm trung bình từ (2,00) đến (2,16), so với thang đo Likert 4 mức độ thì có 04/04 tiêu chí ở mức 2, mức “ít đáp ứng”, cùng với độ lệch chuẩn ở mức thấp < (1,0) cho thấy độ phân tán của các kết quả trả lời khảo sát của CBQL, GV có sự tập trung. Kết quả này cho thấy thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động GDKNS cho HS tiểu học thông qua việc khảo sát đánh giá định lượng còn nhiều bất cập cần có biện pháp khắc phục.

Bên cạnh số liệu thu thập được từ phiếu khảo sát, chúng tôi đã phỏng vấn sâu một số CBQL và GV có kinh nghiệm trong quản lý về GDKNS. Có nhiều ý kiến rất thiết thực xoay quanh việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNS cho HS tiểu học như:

CBQL4 chia sẻ: Chúng tôi đã lập kế hoạch kiểm tra hoạt động GDKNS, nhưng việc triển khai thực tế vẫn còn phụ thuộc vào thời gian và nguồn lực, nên chưa thể đảm bảo tần suất kiểm tra đều đặn.

Khi được phỏng vấn, CBQL8 cho hay: Bộ tiêu chí kiểm tra, đánh giá đã được xây dựng ở mức cơ bản, tuy nhiên cần tiếp tục bổ sung các tiêu chí chi tiết hơn để phù hợp với từng đối tượng HS và từng loại hoạt động.

CBQL11 cho biết: Khi đánh giá, chúng tôi chú trọng nguyên tắc công bằng và minh bạch. Tuy nhiên, do thiếu công cụ hỗ trợ hiện đại nên việc đảm bảo độ tin cậy vẫn còn gặp khó khăn trong một số trường hợp.

GV5 cho biết: Chúng tôi đã kiểm tra kết quả hoạt động GDKNS của HS thông qua quan sát thực tế và kết quả rèn luyện, nhưng phương pháp này đôi khi chưa đủ cụ thể để phản ánh toàn diện sự tiến bộ của HS.

GV7 chia sẻ: Nguyên tắc đánh giá công bằng và minh bạch được thực hiện, nhưng đôi lúc còn phụ thuộc nhiều vào nhận định cá nhân vì các tiêu chí đánh giá chi tiết chưa được phổ biến đồng bộ.

Như vậy, từ kết quả khảo sát định lượng và kết quả phỏng vấn định tính cho thấy thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động GDKNS cho HS tiểu học có lập kế hoạch, có bộ tiêu chí, có nguyên tắc đánh giá công bằng và minh bạch, tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn còn nhiều bất cập cần có biện pháp khắc phục để đạt hiệu quả tốt hơn.

3.1.5. Thực trạng phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Về thực trạng phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động GDKNS cho HS tiểu học, chúng tôi khảo sát định lượng với 5 nội dung ở Bảng 5 và phỏng vấn định tính.

Bảng 5. Kết quả khảo sát thực trạng phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
1	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	3,01	0,76	2
2	Đội TNTTP Hồ Chí Minh	3,32	0,72	1
3	Hội Liên hiệp Phụ nữ	2,33	0,99	5
4	Hội Cựu chiến binh	2,39	0,99	4
5	Phụ huynh HS	2,84	0,97	3
ĐTB chung		2,78		

Kết quả Bảng 5 cho thấy, ĐTB của mỗi yêu cầu được CBQL, GV đánh giá có điểm trung bình từ (2,33) đến (3,32), so với thang đo Likert 4 mức độ thì có 03/05 tiêu chí ở mức 3, mức “đáp ứng”, có 02 tiêu chí ở mức 2, mức “ít đáp ứng”, cùng với độ lệch chuẩn ở mức thấp < (1,0) cho thấy độ phân tán của các kết quả trả lời khảo sát của CBQL, GV có sự tập trung. Kết quả này cho thấy thực trạng phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động GDKNS cho HS tiểu học thông qua việc khảo sát đánh giá định lượng vẫn còn bất cập cần có biện pháp khắc phục.

Trả lời phỏng vấn, CBQL2 cho biết: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phối hợp với phụ huynh thông qua các buổi họp định kỳ và các hoạt động ngoại khóa. Tuy nhiên, mức độ tham gia của phụ huynh vẫn chưa đồng đều, cần thêm sự hỗ trợ từ phía gia đình để đạt hiệu quả cao hơn trong GDKNS.

CBQL3 chia sẻ: Chúng tôi đã phối hợp với các tổ chức xã hội như Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Đội TNTTP Hồ Chí Minh để tổ chức các chương trình như “Ngày hội KNS”. Các hoạt động này đã giúp HS nâng cao kỹ năng, nhưng sự tham gia từ cộng đồng địa phương vẫn còn hạn chế.

CBQL10 trả lời rằng: Nhà trường đã tổ chức một số buổi họp với phụ huynh để thông báo về các chương trình GDKNS, nhưng phần lớn chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin, chưa có nhiều hoạt động phối hợp cụ thể với gia đình hay xã hội.

GV6 cho biết: Chúng tôi có phối hợp với một số tổ chức xã hội trong các hoạt động GDKNS, nhưng các chương trình này còn mang tính hình thức và chưa thực sự gắn liền với nhu cầu của HS.

GV9 chia sẻ: Trong vai trò Tổng phụ trách Đội, tôi đã kết nối với phụ huynh và các tổ chức xã hội để thực hiện nhiều hoạt động như “Rèn luyện đội viên”. Tuy nhiên, sự hỗ trợ từ phía gia đình trong việc duy trì thói quen thực hành KNS cho HS tại nhà còn gặp nhiều khó khăn.

Như vậy, từ kết quả khảo sát định lượng và kết quả phỏng vấn định tính cho thấy thực trạng thực trạng phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động GDKNS đã đạt được một số kết quả mong đợi, bên cạnh việc phối hợp với tổ chức Đoàn, Đội, phụ huynh HS đã đáp ứng được vẫn còn nhiều bất cập. Việc phối hợp với một số tổ chức khác như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh vẫn còn ít đáp ứng, cần có biện pháp khắc phục để đạt hiệu quả tốt hơn.

Để khắc phục những vấn đề này, nhà trường cần triển khai các biện pháp nhằm tăng cường sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa gia đình, nhà trường và các lực lượng xã hội, khuyến khích họ tham gia tích cực vào các hoạt động GDKNS cho HS. Việc này không chỉ giúp cải thiện chất lượng giáo dục mà còn tạo ra môi trường học tập tích cực và hỗ trợ cho HS phát triển toàn diện.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động GDKNS cho HS ở các trường tiểu học thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang đã được chúng tôi khảo sát, phỏng vấn, phân tích rõ

bức tranh thực trạng quản lý hoạt động GDKNS cho HS tiểu học dựa theo tiếp cận các chức năng quản lý, kết quả cho thấy vẫn còn nhiều bất cập trong quá trình quản lý. Bài viết đã chỉ ra những vấn đề quản lý còn bất cập từ việc xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá và phối hợp các lực lượng để GDKNS cho HS ít được quan tâm. Những kết quả từ thực trạng quản lý hoạt động GDKNS trong nghiên cứu này sẽ là cơ sở thực tiễn quan trọng để xuất các biện pháp quản lý hoạt động GDKNS cho HS ở các trường tiểu học ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang bảo đảm tính cấp thiết, khả thi cao nhằm góp phần đạt mục tiêu giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông mới cho HS ở các trường tiểu học địa phương này.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
- Foo, S., & Majid, S. (2014). Information Literacy Skills of Secondary School Students in Singapore. *Aslib Journal of Information Management*, 66(1), 54-76.
- Hoàng, M. T. (1998). *Tâm lý học quản lý*. Hà Nội: Trường Cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo.
- Ngô, T. T. (2001). *Cẩm nang giáo dục cho học sinh tiểu học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn, T. B. (2007). *Giáo trình giáo dục kỹ năng sống*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyễn, T. M. L., Đinh, T. K. T., & Bùi, T. T. H. (2010). *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh tiểu học*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Petitpas, A. J., Van Raalte, J. L., Cornelius, A. E. et al. (2004). A Life Skills Development Program for High School Student-Athletes. *The Journal of Primary Prevention*, 24 (3), 325-334.
- Slazak, B. D. (2013). Improv(ing) Students: Teaching Improvisation to High School Students to Increase Creative and Critical Thinking. *Creativity and Change Leadership Graduate Student Master's Projects*, 192.
- Suminar, T., Prihatin, T., & Syarif, M. I. (2016). Model of Learning Development on Program Life Skills Education for Rural Communities. *International Journal of Information and Education Technology*, 6(6), 496-499.
- UNICEF (2006). *Children Protection information sheet*. New York: UNICEF.
- Yüksel, M. (2013). An Investigation of Social Behaviors of Primary School Children in terms of Their Grade, Learning Disability and Intelligence Potential. *Educational Sciences Theory & Practice*, 13(2), 781-790.